TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2020
"Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn

2. Ông Nguyễn Tất bẩy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2020 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị Bích D, sinh năm 1976

HKTT: Thôn BL, xã BS, huyện LNg.

Chỗ ở: Thôn ST, xã LS, huyện YD, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Hòa, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn BL, xã BS, huyện LNg.

Đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020, bản tự khai, Biên bản H giải, nguyên đơn là chị Tạ Thị Bích D trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình H từ tháng 25/8/1993, trước khi kết hôn chúng tôi có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, nhưng không có đăng ký

kết hôn. Sau ngày cưới chị về chung sống với anh H ngay tại thôn Bình Lửa, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2016, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh H không thường xuyên chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Chị đã sống ly thân với anh H từ tháng 12/2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh H.

Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung. Con lớn tên Nguyễn Đình H, sinh năm 1994, con nhỏ tên Nguyễn Đình H, sinh năm 1999, hiện nay đang ở với chị D. Hiện nay hai con của anh chị đã trưởng thành, có sức khỏe tốt, tự lo cho cuộc sống bản thân, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị D xác định chị và anh H không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01/7/2020, bị đơn là anh Nguyễn Đình H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Tạ Thị Bích D từ ngày 25/8/1993, trước khi kết hôn anh và chị D có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu H thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2016, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã ngồi lại tìm hướng giải quyết bảo nhiều nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị D xin ly hôn anh. Anh H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị Bích có 02 con chung. Con lớn tên Nguyễn Đình H, sinh năm 1994, con nhỏ tên Nguyễn Đình H, sinh năm 1999. Hiện nay hai con tôi đã trưởng thành, có sức khỏe tốt, tự lo cho cuộc sống bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H xác định anh và chị D không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H xác định anh và chị D không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành H giải, chị D và anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị D giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về việc giải quyết vụ án như: Nhận đơn khởi kiện, giao nhận các văn bản tố tụng; xác định thẩm quyền giải quyết vụ án; tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải và Lập hồ sơ vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 184, 195, 196, 204, 205, 209, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị Bích D và anh Nguyễn Đình H.

+ Về con chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Tạ Thị Bích D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Bích D thì thấy đây là quan hệ "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] - Về quan hệ hôn nhân: Chị tạ Thị Bích D và anh Nguyễn Đình H đều khai không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nên đây là trường hợp chung sống như vợ chồng.

Hai bên đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã tìm cách H giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, không H giải đoàn tụ được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H đều xác định cả hai con chung đã trưởng thành, sức khỏe tốt, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị Bích D và anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị tạ Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001382 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND Huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS H. Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Khiết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Khiết